

Số: **020957** /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 18460.17



VILAS 219

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP.HCM.
Tên mẫu : NƯỚC CAM SỮA - NHÃN HIỆU VFRESH
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-TCSC-10.
Ngày lấy mẫu : 12/10/2017
Lượng mẫu : 02 hộp x 250 mL
Ngày nhận mẫu : 12/10/2017
Người gửi mẫu : NLT Long
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm
Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày ban hành kết quả

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

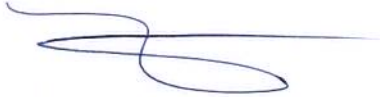
Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	<i>Escherichia coli</i>	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)	< 1 CFU /mL	13/10/2017
2	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	AOAC 966.23 - 2013 (b)	< 1 CFU /mL	13/10/2017
3	Coliforms	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2007) (a)	< 1 CFU /mL	13/10/2017
4	<i>Clostridium perfringens</i>	AOAC 976.30 - 2013 (b)	< 1 CFU /mL	13/10/2017
5	<i>Staphylococcus aureus</i>	AOAC 975.55 - 2013 (b)	< 1 CFU /mL	13/10/2017
6	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	HD.PP.08.01/TT.VS (b)	< 1 CFU /mL	13/10/2017
7	<i>Streptococcus faecalis</i>	HD.PP.07.01/TT.VS (b)	< 1 CFU /mL	13/10/2017
8	Tổng số bào tử nấm mốc - men	TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008) (b)	< 1 CFU /mL	13/10/2017

Mã số mẫu: 18460.17

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Quá thời hạn lưu mẫu, VYTCC không giải quyết việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005.
- (b) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005 và được Bộ Y tế, Bộ Công thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.
- < 1 CFU /mL: được xem như không phát hiện.

**GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP
KHU VỰC PHÍA NAM**



Ths. Nguyễn Đức Thịnh

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 10 năm 2017

VIỆN TRƯỞNG



PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Ts.Bs. Phùng Đức Nhật



Số: **020956** /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 18461.17



VILAS 219

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP.HCM.
Tên mẫu : NƯỚC CAM SỮA - NHÃN HIỆU VFRESH
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-TCSC-10.
Ngày lấy mẫu : 12/10/2017
Lượng mẫu : 01 hộp x 250 mL
Ngày nhận mẫu : 12/10/2017
Người gửi mẫu : NLT Long
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Arsen (As) tổng	HD.PP.16/TT.AAS (a)	Không phát hiện MLOD = 0,010 mg/kg	14/10/2017
2	Cadimi (Cd)	HD.PP.16/TT.AAS (a)	Không phát hiện MLOD = 0,010 mg/kg	14/10/2017
3	Thủy ngân (Hg)	HD.PP.04/TT.AAS - Modify AOAC 971.21:2012 (b)	Không phát hiện MLOD = 0,020 mg/kg	14/10/2017
4	Chì (Pb)	HD.PP.16/TT.AAS (a)	Không phát hiện MLOD = 0,010 mg/kg	14/10/2017

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005.
- (b) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005 và được Bộ Y tế, Bộ Công thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 10 năm 2017

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP
KHU VỰC PHÍA NAM

Ths. Nguyễn Đức Thịnh

VIỆN TRƯỞNG



PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Ts.Bs. Phùng Đức Nhật



Số: 020968 /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 18462.17



VILAS 219

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP.HCM.
Tên mẫu : NƯỚC CAM SỮA - NHÃN HIỆU VFRESH
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-TCSC-10.
Ngày lấy mẫu : 12/10/2017
Lượng mẫu : 01 hộp x 250 mL
Ngày nhận mẫu : 12/10/2017
Người gửi mẫu : NLT Long
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Melamine	TCVN 9048:2012 (ISO/TS 15495:2010) (a)	Không phát hiện MLOD = 0,05 mg/kg	18/10/2017
2	Aflatoxin M1	HD.PP.03-1/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 0,1 µg/kg	15/10/2017
3	Ochratoxin A	HD.PP.17-2/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 0,1 µg/kg	15/10/2017
4	Patulin	HD.PP.31/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 10 µg/kg	15/10/2017

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005.

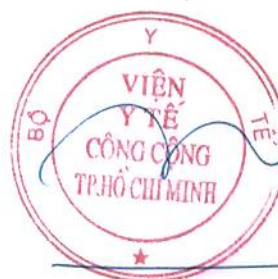
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP
KHU VỰC PHÍA NAM

Ths. Nguyễn Đức Thịnh

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 10 năm 2017

VIỆN TRƯỞNG

PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Ts.Bs. Phùng Đức Nhật

Số: 020969 /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 18463.17

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP.HCM.
Tên mẫu : NƯỚC CAM SỮA - NHÃN HIỆU VFRESH
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-TCSC-10.
Ngày lấy mẫu : 12/10/2017
Lượng mẫu : 02 hộp x 250 mL
Ngày nhận mẫu : 12/10/2017
Người gửi mẫu : NLT Long
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm
Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày ban hành kết quả

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Malathion (họ Phosphor hữu cơ)	Ref. AOAC 2007.01 - 2012	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/L	13/10/2017
2	Diphenylamin	TK AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 10 µg/L	13/10/2017
3	Piperonyl butoxide	GC/MS	Không phát hiện MLOD = 20 µg/L	19/10/2017
4	2-Phenylphenol	GC/MS	Không phát hiện MLOD = 50 µg/L	19/10/2017
5	Propargite	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/L	12/10/2017
6	Carbaryl	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 5 µg/L	12/10/2017

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Quá thời hạn lưu mẫu, VYTCC không giải quyết việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm.

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP
KHU VỰC PHÍA NAM

Ths. Nguyễn Đức Thịnh

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 10 năm 2017



VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Ts.Bs. Phùng Đức Nhật



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH

TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM TP. HỒ CHÍ MINH

CENTER OF ANALYTICAL SERVICES AND EXPERIMENTATION HCMC



Mã số mẫu/ Sample Code BN18030812 MM18032530	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM <i>TEST REPORT</i>	BMNM 02/3 – LBH 03 Ngày/Date : 14/04/2018
--	---	--

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM - VINAMILK
Địa chỉ/ Address : 10 TÂN TRÀO - PHƯỜNG TÂN PHÚ - QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Tên mẫu/ Name of sample : NƯỚC CAM SỮA - NHÃN HIỆU VFRESH, MÃ: V-TCSC-1
Số lượng/ Quantity : 1
Tình trạng mẫu/ Sample description : Dạng lỏng
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 12/03/2018
Ngày hẹn trả KH/ Date of issue : 20/03/2018



STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
1	Albendazole	µg/L	Không phát hiện MDL = 20	CASE.SK.0123 (LCMS/MS)
2	Alpha - cypermethrin	µg/L	Không phát hiện MDL = 10	CASE.SK.0111 (Ref. AOAC 2007.01_GC/MS/MS) (*)
3	Amoxicilline	µg/L	Không phát hiện MDL = 4	CASE.SK.0010 (LC/MS/MS_Ref. Analytica Chimica Acta 520 (2004) 19- 32; Journal of Chromatography A, 1177 (2008) 58-76)
4	Benzyl penicillin	µg/L	Không phát hiện MDL = 4	CASE.SK.0010 (LC/MS/MS_Ref. Analytica Chimica Acta 520 (2004) 19- 32; Journal of Chromatography A, 1177 (2008) 58-76)

1/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng/ Information of sample is written as customer's request.

2/ Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thí Nghiệm TP.HCM

This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of CASE.

3/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ This testing result is only valid on tested sample.

TRỤ SỞ CHÍNH
 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM
 ☎ 18001105
 ☎ (84.28) 3911 7216
 ✉ casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ
 F2.67-F2.68, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ
 ☎ (84.292) 3918 216 - 217 - 218
 ☎ (84.292) 3918 219
 ✉ support@case.com.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG
 300 Đường 23/10, P. Ngọc Hiệp, Nha Trang, Khánh Hòa
 ☎ (84.258) 3811 808
 ☎ (84.258) 3811 809
 ✉ vanphongmien trung@case.vn

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
5	Ceftiofur	µg/L	Không phát hiện MDL = 50	LC/MS/MS - Ref.AOAC 2007.01
6	Chlortetracycline	µg/L	Không phát hiện MDL = 20	CASE.SK.0007 (LC/MS/MS)
7	Clenbuterol	µg/L	Không phát hiện MDL = 0,05	CASE.SK.0078- LC/MS/MS
8	Colistin	µg/L	Không phát hiện MDL = 50	CASE.SK.0065/1 (LCMS/MS)
9	Cyfluthrin	µg/L	Không phát hiện MDL = 10	CASE.SK.0111 (Ref. AOAC 2007.01_GC/MS/MS) (*)
10	Cyhalothrin	µg/L	Không phát hiện MDL = 10	CASE.SK.0111 (Ref. AOAC 2007.01_GC/MS/MS) (*)
11	Cypermethrin	µg/L	Không phát hiện MDL = 10	CASE.SK.0111 (Ref. AOAC 2007.01_GC/MS/MS) (*)
12	Deltamethrin	µg/L	Không phát hiện MDL = 10	CASE.SK.0111 (Ref. AOAC 2007.01_GC/MS/MS) (*)
13	Dexamethasone	µg/L	Không phát hiện MDL = 0,3	CASE.SK.0129 (LCMS/MS)
14	Diminazene	µg/L	Không phát hiện MDL = 100	CASE.SK.0102 (LCMS/MS)
15	Doramectin	µg/L	Không phát hiện MDL = 10	CASE.SK.0114 (Ref AOAC 2007.01- LCMS/MS)
16	Eprinomectin	µg/L	Không phát hiện MDL = 10	CASE.SK.0114 (Ref AOAC 2007.01- LCMS/MS)

1/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng/ Information of sample is written as customer's request.

2/ Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thí Nghiệm TPHCM

This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of CASE.

3/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ This testing result is only valid on tested sample.

TRỤ SỞ CHÍNH

02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM

18001105

(84.28) 3911 7216

casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ

F2.67- F2.68, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ

(84.292) 3918 216 - 217 - 218

(84.292) 3918 219

support@case.com.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG

300 Đường 23/10, P. Ngọc Hiệp, Nha Trang, Khánh Hòa

(84.258) 3811 808

(84.258) 3811 809

vanphongmienntrung@case.vn

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
17	Febantel	µg/L	Không phát hiện MDL = 20	CASE.SK.0123 (LCMS/MS)
18	Fenbendazole	µg/L	Không phát hiện MDL = 20	CASE.SK.0123 (LCMS/MS)
19	Imidocarb	µg/L	Không phát hiện MDL = 50	Journal of Chromatography A, 1177 (2008) 58-76; Journal of Chromatography B, 857 (2007) 142-148.
20	Isometamidium	µg/L	Không phát hiện MDL = 100	CASE.SK.0102 (LCMS/MS)
21	Ivermectin	µg/L	Không phát hiện MDL = 10	CASE.SK.0114 (Ref AOAC 2007.01- LCMS/MS)
22	Lincomycin	µg/L	Không phát hiện MDL = 50	CASE.SK.0029 (LCMS/MS)
23	Monensin	µg/L	Không phát hiện MDL = 2	CASE.SK.0034 (LCMS/MS)
24	Oxfendazole	µg/L	Không phát hiện MDL = 20	CASE.SK.0123 (LCMS/MS)
25	Oxytetracycline	µg/L	Không phát hiện MDL = 20	CASE.SK.0007 (LC/MS/MS)
26	Pirlimycin	µg/L	Không phát hiện MDL = 100	LC/MS/MS - Ref.AOAC 2007.01
27	Procaine benzylpenicillin	µg/L	Không phát hiện MDL = 4	CASE.SK.0010 (LC/MS/MS Ref. Analytica Chimica Acta 520 (2004) 19- 32; Journal of Chromatography A, 1177 (2008) 58-76)
28	Spiramycin	µg/L	Không phát hiện MDL = 50	CASE.SK.0029 (LCMS/MS)

1/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng/ Information of sample is written as customer's request.

2/ Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thí Nghiệm TP.HCM

This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of CASE.

3/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ This testing result is only valid on tested sample.

TRỤ SỞ CHÍNH

02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM
(84.8) 3829 6113 - 3829 1744
(84.8) 3911 5119
casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ

F267 -F268, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ
(84.710) 3918216 - 217 - 218
(84.710) 3918219
support@case.com.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG

300 Đường 23/10, P. Ngọc Hiệp, Nha Trang, Khánh Hòa
(84.58) 3811 808
(84.58) 3811 809
kinhdoanh1@case.vn

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
29	Sulfadimidine	µg/L	Không phát hiện MDL = 20	CASE.SK.0006 (LC/MS/MS)
30	Tetracycline	µg/L	Không phát hiện MDL = 20	CASE.SK.0007 (LC/MS/MS)
31	Trichlorfon (Metrifonat)/ Dipterex	µg/L	Không phát hiện MDL = 10	CASE.SK.0111 (Ref. AOAC 2007.01_GC/MS/MS) (*)
32	Tylosine	µg/L	Không phát hiện MDL = 50	CASE.SK.0029 (LCMS/MS)
33	Dihydrostreptomycin	µg/l	Không phát hiện, MDL = 10	Ref (CASE.NC.0032)
34	Gentamycin	µg/l	Không phát hiện, MDL = 5	Ref(CASE.NC.0056)
35	Neomycine	µg/l	Không phát hiện, MDL = 30	ELISA
36	Spectinomycine	µg/l	Không phát hiện, MDL = 30	ELISA
37	Streptomycin	µg/l	Không phát hiện, MDL = 10	Ref (CASE.NC.0032)

(*) Phương pháp được VILAS công nhận / Method is accredited by VILAS

(**) Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ / Subcontracted test.

MDL - Ngưỡng phát hiện của phương pháp / Method Detection Limit.

**Phụ trách phòng thử nghiệm/
Officer in charge of laboratory**



Đoàn Thị Bội Hạnh

GIÁM ĐỐC/ DIRECTOR



TS. Chu Văn Hải

1/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng/ Information of sample is written as customer's request.

2/ Không được sao chép kết quả này, 1 phần hủy toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thí Nghiệm TP.HCM

This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of CASE.

3/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ This testing result is only valid on tested sample.

TRỤ SỞ CHÍNH
 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM
 ☎ (84.8) 3829 6113 - 3829 1744
 ☎ (84.8) 3911 5119
 ✉ casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ
 F267 - F268, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ
 ☎ (84.710) 3918216 - 217 - 218
 ☎ (84.710) 3918219
 ✉ support@case.com.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG
 300 Đường 23/10, P. Ngọc Hiệp, Nha Trang, Khánh Hòa
 ☎ (84.58) 3811 808
 ☎ (84.58) 3811 809
 ✉ kinhdoanh1@case.vn



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM TP. HỒ CHÍ MINH
CENTER OF ANALYTICAL SERVICES AND EXPERIMENTATION HCMC



Mã số mẫu/ Sample Code BN18030812 MM18032530	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM <i>TEST REPORT</i>	BMNM 02/3 – LBH 03 Ngày/Date : 14/04/2018
--	---	--

Tên khách hàng/ *Customer* : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM - VINAMILK
Địa chỉ/ *Address* : 10 TÂN TRÀO - PHƯỜNG TÂN PHÚ - QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Tên mẫu/ *Name of sample* : NƯỚC CAM SỮA - NHÃN HIỆU VFRESH, MÃ: V-TCSC-1
Số lượng/ *Quantity* : 1
Tình trạng mẫu/ *Sample description* : Dạng lỏng
Ngày nhận mẫu/ *Date of receiving* : 12/03/2018
Ngày hẹn trả KH/ *Date of issue* : 20/03/2018



STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ <i>Result</i>	Phương pháp/ Test method
1	Abamectin	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,005	CASE.SK.0114 (Ref AOAC 2007.01- LCMS/MS)
2	Aldrin	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,006	CASE.SK.0111 (Ref. AOAC 2007.01_GC/MS/MS) (*)
3	Chlordane	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,002	CASE.SK.0111 (Ref. AOAC 2007.01_GC/MS/MS) (*)
4	Chlormequat	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,05	CASE.SK.0102 (LCMS/MS)
5	Chlorpyrifos	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,01	CASE.SK.0111 (Ref. AOAC 2007.01_GC/MS/MS) (*)

1/Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng/ *Information of sample is written as customer's request.*

2/ Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thí Nghiệm TP.HCM
This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of CASE

3/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ *This testing result is only valid on tested sample*

TRỤ SỞ CHÍNH
02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM
☎ 18001105
☎ (84.28) 3911 7216
✉ casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ
F2.67-F2.68, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ
☎ (84.292) 3918 216 - 217 - 218
☎ (84.292) 3918 219
✉ support@case.com.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG
300 Đường 23/10, P. Ngọc Hiệp, Nha Trang, Khánh Hòa
☎ (84.258) 3811 808
☎ (84.258) 3811 809
✉ vanphongmien trung@case.vn

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
6	DDT	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,01	CASE.SK.0111 (Ref. AOAC 2007.01_GC/MS/MS) (*)
7	Dieldrin	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,006	CASE.SK.0111 (Ref. AOAC 2007.01_GC/MS/MS) (*)
8	Dimethoate	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,01	CASE.SK.0111 (Ref. AOAC 2007.01_GC/MS/MS) (*)
9	Disulfoton	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,01	CASE.SK.0111 (Ref. AOAC 2007.01_GC/MS/MS) (*)
10	Endosulfan	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,004	CASE.SK.0111 (Ref. AOAC 2007.01_GC/MS/MS) (*)
11	Ethephon	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,05	TCVN 8668:2011
12	Fipronil	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,001	CASE.SK.0111 (Ref. AOAC 2007.01_GC/MS/MS) (*)
13	Flumethrin	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,01	CASE.SK.0111 (Ref. AOAC 2007.01_GC/MS/MS) (*)
14	Heptachlor	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,006	CASE.SK.0111 (Ref. AOAC 2007.01_GC/MS/MS) (*)
15	Lindane	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,01	CASE.SK.0111 (Ref. AOAC 2007.01_GC/MS/MS) (*)

1/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng/ Information of sample is written as customer's request.

2/ Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thí Nghiệm TPHCM
This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of CASE.

3/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ This testing result is only valid on tested sample.

TRỤ SỞ CHÍNH
 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM
 ☎ 18001105
 ☎ (84.28) 3911 7216
 ✉ casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ
 F2.67-F2.68, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ
 ☎ (84.292) 3918 216 - 217 - 218
 ☎ (84.292) 3918 219
 ✉ support@case.com.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG
 300 Đường 23/10, P. Ngọc Hiệp, Nha Trang, Khánh Hòa
 ☎ (84.258) 3811 808
 ☎ (84.258) 3811 809
 ✉ vanphongmientrung@case.vn

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
16	Methamidophos	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,01	CASE.SK.0111 (Ref. AOAC 2007.01_GC/MS/MS) (*)
17	Penconazole	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	CASE.SK.0111 (Ref. AOAC 2007.01_GC/MS/MS) (*)
18	Piperonyl butoxide	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,01	CASE.SK.0111 (Ref. AOAC 2007.01_GC/MS/MS) (*)
19	Spinosad	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	CASE.SK.0114 (Ref. AOAC 2007.01- LCMS/MS)
20	Tebufenozide	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	CASE.SK.0114 (Ref. AOAC 2007.01- LCMS/MS)

(*) Phương pháp được VILAS công nhận / Method is accredited by VILAS

(**) Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ / Subcontracted test.

MDL - Ngưỡng phát hiện của phương pháp / Method Detection Limit.

**Phụ trách phòng thử nghiệm/
Officer in charge of laboratory**



Đoàn Thị Bội Hạnh

GIÁM ĐỐC/ DIRECTOR



TS. Chu Văn Hải

1/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng/ Information of sample is written as customer's request.

2/ Không được sao chép kết quả này, 1 phần hủy toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thí Nghiệm TP HCM

This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of CASE.

3/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ This testing result is only valid on tested sample.

TRỤ SỞ CHÍNH
 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM
 ☎ (84.8) 3829 6113 - 3829 1744
 📠 (84.8) 3911 5119
 ✉ casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ
 F2.67 - F2.68, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ
 ☎ (84.710) 3918216 - 217 - 218
 📠 (84.710) 3918219
 ✉ support@case.com.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG
 300 Đường 23/10, P. Ngọc Hiệp, Nha Trang, Khánh Hòa
 ☎ (84.58) 3811 808
 📠 (84.58) 3811 809
 ✉ kinhdoanh1@case.vn



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH

TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM TP. HỒ CHÍ MINH

CENTER OF ANALYTICAL SERVICES AND EXPERIMENTATION HCMC



Mã số mẫu/ Sample Code BN18030812 MM18032530	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM <i>TEST REPORT</i>	BMNM 02/3 – LBH 03 Ngày/Date : 14/04/2018
--	---	--

Tên khách hàng/ *Customer* : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM - VINAMILK
Địa chỉ/ *Address* : 10 TÂN TRÀO - PHƯỜNG TÂN PHÚ - QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Tên mẫu/ *Name of sample* : NƯỚC CAM SỮA - NHÃN HIỆU VFRESH
MÃ: V-TCSC-1
Số lượng/ *Quantity* : 1
Tình trạng mẫu/ *Sample description* : Dạng lỏng
Ngày nhận mẫu/ *Date of receiving* : 12/03/2018
Ngày hẹn trả KH/ *Date of issue* : 20/03/2018

STT/ <i>No</i>	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ <i>Parameters</i>	Đơn vị tính/ <i>Unit</i>	Kết quả/ <i>Result</i>	Phương pháp/ <i>Test method</i>
1	Thiabendazole	µg/L	Không phát hiện MDL = 20	CASE.SK.0114 (Ref AOAC 2007.01- LCMS/MS)

(*) Phương pháp được VILAS công nhận / *Method is accredited by VILAS*(**) Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ / *Subcontracted test.*MDL - Ngưỡng phát hiện của phương pháp / *Method Detection Limit.*

Phụ trách phòng thử nghiệm/
Officer in charge of laboratory

Đoàn Thị Bội Hanh

GIÁM ĐỐC/ DIRECTOR



TS. Chu Vân Hải

1/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng/ *Information of sample is written as customer's request.*

2/ Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thí Nghiệm TP.HCM

*This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of CASE.*3/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ *This testing result is only valid on tested sample.*

TRỤ SỞ CHÍNH

9/ 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM

☎ 18001105

☎ (84.28) 3911 7216

✉ casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ

9/ F2.67-F2.68, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ

☎ (84.292) 3918 216 - 217 - 218

☎ (84.292) 3918 219

✉ support@case.com.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG

9/ 300 Đường 23/10, P. Ngọc Hiệp, Nha Trang, Khánh Hòa

☎ (84.258) 3811 808

☎ (84.258) 3811 809

✉ vanphongmien trung@case.vn